

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Dấm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Văng Thảo Hiền – Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mộng Thu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Trần Tuyền Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã T với điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an thị xã T, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2024/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

P, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1983 tại An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khóm C, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông A, sinh năm 1955 và bà Đ, sinh năm 1958; bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là người thứ ba; vợ là S (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2007; tiền án: Có 02 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 03/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 08/4/2021 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 19/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 07/6/2022 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2024 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T (có mặt).

- **Bị hại:** Anh D, sinh năm 1981; địa chỉ: khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** T1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/4/2024, P được một thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch, bạn cùng uống methadon với Phúc) dùng xe mô tô chở đi đến thành phố Ô để làm việc. Khi đi đến cây xăng G thuộc khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, dừng lại, đổ xăng. Khi này, P đi ra tiệm tạp hóa của ông T1 (cặp vách bên phải cây xăng) để hỏi mua chai dầu, nhưng không có ai trong nhà, P nhìn thấy sân nhà ông T1 có 03 chiếc xe mô tô, trong đó có 01 chiếc xe mô tô 66P1-894.80 có để sẵn chìa khóa trong ổ khóa xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. P đi đến nơi dựng xe, dẫn lùi xe mô tô, lui ra ngoài thì bị ông T1 phát hiện, truy hô, P bỏ chạy. Ông T1 trích xuất camera, giao nộp Công an phường L. Qua làm việc, P khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, đã khởi tố, P về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tang vật thu giữ gồm: 01 (cái) áo sơ mi tay dài, sọc ô vuông màu nâu đất, đã qua sử dụng; 01 (cái) quần jean, màu xám bạc, đã qua sử dụng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 378/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô, loại xe Wave màu đỏ, biển số 66P1-894.80, số máy P52FMH002135, số khung H0UM7XU02135, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, lời khai bị cáo, bị hại và người làm chứng phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Cáo trạng số: 33/CT-VKSTC-HS ngày 10/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

HĐXX, công bố biên bản lời khai bị hại và người làm chứng, lời khai trong quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo P, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân xấu 02 tiền án về tội “Tội trộm cắp tài sản” bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ 01 (cái) áo sơ mi tay dài, sọc ô vuông màu nâu đất, đã qua sử dụng; 01 (cái) quần jean, màu xám bạc, đã qua sử dụng.

Đối với người thanh niên đi cùng với P, không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Trong phần tranh luận, bị cáo P không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo P bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực khóm B, phường L, thị xã T, An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/4/2024, tại khu vực khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, P đi ra tiệm tạp hóa của ông T1 nhưng không có ai

trong nhà, P nhìn thấy sân nhà ông T1 có 03 chiếc xe mô tô, trong đó có 01 chiếc xe mô tô 66P1-894.80 có để sẵn chìa khóa trong ổ khóa xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. P đi đến nơi dựng xe, dẫn lùi xe mô tô, lui ra ngoài thì bị ông T1 phát hiện, truy hô, P bỏ chạy. Ông T1 trích xuất camera, giao nộp Công an phường L. Qua làm việc, P khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 2.500.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 378/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang).

Hành vi nêu trên của bị cáo P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo P là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe nhưng không tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” là tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo P đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo thuộc thành phần lao động khó khăn là tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo P là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án, trong đó, bị cáo P có 02 tiền án của tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo thể hiện xem thường pháp luật. Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian, mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, bị cáo P không có tài sản,

nghề nghiệp và không thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

- 01 (cái) áo sơ mi tay dài, sọc ô vuông màu nâu đất, đã qua sử dụng và 01 (cái) quần jean, màu xám bạc, đã qua sử dụng; không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại. Xét, tịch thu, tiêu hủy.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, ngày 20/6/2024).

(Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015).

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người thanh niên đi cùng với bị cáo P, không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/4/2024 (*ngày không chín, tháng tư, năm hai không hai mươi bốn*).

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 (cái) áo sơ mi tay dài, sọc ô vuông màu nâu đất, đã qua sử dụng; 01 (cái) quần jean, màu xám bạc, đã qua sử dụng (Đặc điểm tang vật như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, ngày 20/6/2024).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo P phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND TX. T (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TX. T (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Hữu Dầm